

Phụ lục
CÁC NHIỆM VỤ CHI THƯỜNG XUYÊN CHƯA TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NĂM 2025
(Kèm theo Báo cáo số: 235/UBND-BC ngày 20 tháng 10 năm 2025 của UBND xã Đắk Plô)

DVT: triệu đồng

STT	Đơn vị	Dự toán bố trí năm 2025 (bao gồm dự toán đầu năm 2025 tại Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh và dự toán năm 2025 chuyển sang 2025)	Tiết kiệm 10% chi TX	Kinh phí được sử dụng	Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên năm 2025 theo Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ	Kinh phí đã sử dụng	Kinh phí còn lại	Kinh phí còn lại không sử dụng đề nghị thu hồi	Ghi chú/Lý do
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)=(1)-(2)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)=(3)-(4)-(5)</i>	<i>(7)</i>	<i>(8)</i>
	Ủy ban nhân dân xã Đắk Plô				345				
-	Kinh phí chi thường xuyên				345				

PHỤ LỤC
KINH PHÍ CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM 10% CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

STT	Nội dung - Đơn vị	Mã QHNS	Chương	Loại
A	B	1	2	3
	Nguồn ngân sách nhà nước			
I	Kinh phí chi hoạt động bộ máy, thường xuyên (giao tự chủ)			
1.1	Văn phòng HĐND-UBND xã	1163176	830	340
1.2	Phòng Kinh tế	1163175	831	340
1.3	Phòng Văn hóa - Xã hội	1163174	832	340
1.4	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1162463	833	340
1.5	Văn phòng Đảng ủy	1161392	819	340
1.6	Ủy ban MTTQVN xã	1162607	820	340
II	Kinh phí chi không thường xuyên (không giao tự chủ)			
2.1	Sự nghiệp giáo dục			
2.1.1	Trường MN Đắk Man	1116119	822	070
2.1.2	Trường TH- THCS Đắk Man	1107700	822	070
2.1.3	Trường MN Đắk Plô	1112549	822	070
2.1.4	Trường TH- THCS Đắk Plô	1112557	822	070
2.1.5	Trường MN Đắk Nhoong	1112547	822	070
2.1.6	Trường TH- THCS Đắk Nhoong	1106563	822	070
2.2	Quản lý nhà nước			
2.2.1	Văn phòng HĐND-UBND xã	1163176	830	340
2.2.2	Phòng Kinh tế	1163175	831	340
	TỔNG CỘNG			

(Bảng chữ: Ba trăm bốn mươi lăm triệu đồng chẵn)

N SÁCH NHÀ NƯỚC

ĐVT: Triệu đồng

Khoản	Mã CTMT, ĐA	Kinh phí cắt giảm, tiết kiệm
4	5	6
		345,0
		70,0
341	13	5,00
341	13	6,00
341	13	5,00
341	13	4,00
351	13	40,00
361	13	10,00
		275,00
		268,00
071	12	26,00
073	12	53,00
071	12	26,00
073	12	53,00
071	12	39,00
073	12	71,00
		7,00
341	12	4,00
341	12	3,00
		345,0